

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang

(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-SKHCN ngày 16 tháng 02 năm 2023
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy chế này tập hợp các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh An Giang cùng xây dựng, sử dụng “nhãn hiệu chứng nhận An Giang” thành một nhãn hiệu có uy tín của tỉnh, gồm những người trồng, nuôi, sản xuất, chế biến, cung ứng, đóng gói, các sản phẩm nông nghiệp có nguồn gốc xuất xứ từ tỉnh An Giang, đáp ứng các chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn thực phẩm hay quy trình sản xuất, ... của sản phẩm, nguyên liệu, cách thức sản xuất, chất lượng, độ chính xác, cách thức cung cấp dịch vụ hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ đặc trưng của lao động thể hiện trên hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bởi các thành viên đảm bảo theo tiêu chuẩn chất lượng quy định.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. “Nhãn hiệu chứng nhận An Giang” là nhãn hiệu được đăng ký độc quyền trong nước.

2. Quy chế này quy định về việc quản lý, đăng ký và sử dụng “nhãn hiệu chứng nhận An Giang” (sau đây gọi tắt là nhãn hiệu chứng nhận) dùng cho các sản phẩm nông nghiệp và các sản phẩm có tiềm năng, dịch vụ đã qua sơ chế, chế biến, được trồng, nuôi, sản xuất, chế biến và kinh doanh có nguồn gốc xuất xứ từ tỉnh An Giang.

3. Quy chế này áp dụng đối với chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận, cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận và người được trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận trong quản lý, đăng ký và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nhãn hiệu chứng nhận* được đề cập trong quy chế này là dấu hiệu được Cục Sở hữu trí tuệ bảo hộ tổng thể dưới dạng nhãn hiệu chứng nhận để tạo sự nhận dạng cho sản phẩm, dịch vụ có nguồn gốc từ An Giang (*được sản xuất, chế biến, cung ứng, đóng gói, ... đảm bảo theo tiêu chuẩn chất lượng quy định*).

2. *Quy trình kỹ thuật sản xuất, kinh doanh* là một trình tự thực hiện có tổ chức các hoạt động để hoàn thành những quy định cụ thể trong sản xuất, kinh doanh đảm bảo chất lượng sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận.

3. *Người sử dụng nhãn hiệu chứng nhận* là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong và ngoài tỉnh được *cấp giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận*, được phép sử dụng nhãn hiệu chứng nhận gắn trên biên hiệu, phương tiện

kinh doanh, thư từ giao dịch, phương tiện quảng cáo, sản phẩm... do mình sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ đã qua sơ chế, chế biến được trồng, sản xuất, chế biến và kinh doanh có nguồn gốc xuất xứ từ tỉnh An Giang.

4. *Giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận* là văn bản do Sở Khoa học và Công nghệ An Giang cấp cho tổ chức, cá nhân trồng, sản xuất, chế biến và kinh doanh có sản phẩm đáp ứng các tiêu chí quy định tại Quy chế trên cơ sở đề xuất của cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận An Giang.

5. *Công nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn chứng nhận* là việc cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận công nhận sản phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh phù hợp với các đặc tính của nhãn hiệu chứng nhận.

6. *Hồ sơ đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận* là bộ tài liệu kỹ thuật được quy định tại Quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận (*sau đây gọi tắt là HSDKSDNHCHN*).

7. *Đăng ký lại* là việc nộp hồ sơ đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận khi Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đã hết hiệu lực hoặc sau 01 năm bị thu hồi quyền sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

8. *Thay đổi* là bất cứ sự khác biệt nào đối với sản phẩm và quy trình sản xuất được ghi trong Giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đã cấp, kể cả bổ sung thêm sản phẩm mới.

Điều 4. Chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang (được UBND tỉnh giao quyền sở hữu nhãn hiệu chứng nhận An Giang) có chức năng quản lý, phát triển, cấp hoặc thu hồi trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang.

Cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận là Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh An Giang, có chức năng kiểm soát, chứng nhận chất lượng, đặc tính, nguồn gốc hoặc tiêu chí khác liên quan đến hàng hoá, dịch vụ nhãn hiệu chứng nhận An Giang.

Điều 5. Điều kiện được cấp và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

1. Có hoạt động trồng, nuôi, sản xuất, chế biến hoặc kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm có tiềm năng trên địa bàn tỉnh An Giang;

2. Được cấp giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu;

3. Có quy trình và cơ chế giám sát về an toàn thực phẩm và được cơ quan chức năng kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đạt yêu cầu ở tất cả các công đoạn sản xuất, chế biến, kinh doanh (hoặc các chứng chỉ tương đương hay cao hơn);

4. Sản phẩm cần cấp nhãn hiệu có kết quả phân tích (đạt yêu cầu) của các cơ quan quản lý chuyên ngành trong thời hạn 01 năm sẽ được thực nhận kết quả đó;

5. Các sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm có tiềm năng được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang đã công bố hợp quy hoặc công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm sẽ được cấp giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu khi có nhu cầu;

6. Chấp hành các quy định của pháp luật hàng hóa lưu thông trên thị trường;

7. Cam kết tuân thủ các nội dung trong giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận trong quá trình sử dụng và quy định trong Quy chế này.

Điều 6. Mẫu nhãn hiệu chứng nhận

Mẫu “nhãn hiệu chứng nhận An Giang” là mẫu nhãn hiệu đã được đăng ký và bảo hộ tại Cục sở hữu trí tuệ (phụ lục I kèm theo Quy chế này).

Điều 7. Bản đồ vùng trồng, sản xuất, chế biến và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp mang nhãn hiệu chứng nhận

Vùng trồng, nuôi, sản xuất, chế biến hoặc kinh doanh sản phẩm nông nghiệp mang và sản phẩm liên quan nhãn hiệu chứng nhận được xác định tại phụ lục II kèm theo Quy chế này.

Chương II

CÁC ĐẶC TÍNH CỦA SẢN PHẨM MANG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN

Điều 8. Quy định về Quy trình kỹ thuật sản xuất, kinh doanh và thực thi Quy trình kỹ thuật sản xuất, kinh doanh

Quy trình kỹ thuật sản xuất kinh doanh là một chuẩn mực chung nhằm đảm bảo việc các cơ sở sản xuất kinh doanh khi được gắn nhãn hiệu chứng nhận đều đạt được một tiêu chuẩn chung về xuất xứ, nguyên liệu, vật liệu, cách thức sản xuất hàng hóa, chất lượng, độ chính xác, độ an toàn hoặc các đặc tính khác.

Điều 9. Các sản phẩm được mang nhãn hiệu chứng nhận

Các sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận quy định trong quy chế này theo Bảng phân loại quốc tế về hàng hóa, dịch vụ theo Thỏa ước Ni-xơ gồm:

- Nhóm 05: Năm dược liệu dùng cho mục đích y tế.
- Nhóm 08: Công cụ, dụng cụ cầm tay thao tác thủ công; dao (dụng cụ cầm tay); kéo (dụng cụ cầm tay); kìm (dụng cụ cầm tay).
- Nhóm 20: Giường gỗ; tủ gỗ; bàn gỗ; ghế gỗ; kệ gỗ; đồ gỗ mỹ thuật.
- Nhóm 21: Đồ dùng nhà bếp không dùng điện; bộ đồ ăn (ngoài dao, thìa, đĩa); chén; bát; đĩa; ly (cốc); bộ tách trà; lược (bằng gỗ thốt nốt).
- Nhóm 24: Vải lụa; chăn; ga; vỏ gối; khăn trải bàn, không làm bằng giấy; rèm cửa (bằng vải lụa).
- Nhóm 25: Khăn quàng cổ; mũ [nón] bằng vải lụa; quần áo bằng vải lụa.
- Nhóm 29: Thịt bò, thịt heo, thịt trâu, thịt gà, thịt ếch, tôm, cá, lươn (đã qua chế biến), nấm ăn, rau ăn lá, rau ăn củ, rau ăn quả, trái cây (đã qua chế biến); trái cây được bảo quản; mút hoa quả; nấm dược liệu (đã qua chế biến dùng làm thực phẩm); sản phẩm thay thế sữa (sữa gạo, sữa đậu nành,...); tổ yến (yến sào); yến tinh chế; yến sào đã qua sơ chế, chế biến.
- Nhóm 30: Gạo tẻ, gạo nếp; trà túi lọc chùm ngây, trà atiso đỏ, trà xạ đen, trà túi lọc đỉnh lăng, trà măng cầu xiêm, trà linh chi, trà tía tô, trà nấm đông

trùng hạ thảo, trà tiên; đường; mật đường; nước màu thực phẩm (đường trắng); tương; nước tương; bánh kẹo; bột; trứng gia cầm.

- Nhóm 31: Lúa tẻ giống; lúa nếp giống; nấm ăn tươi; nấm dược liệu tươi dùng làm thực phẩm; rau ăn lá tươi, rau ăn củ tươi, rau ăn quả tươi, quả xoài tươi; con bò giống; tôm tươi; cá tươi, lươn tươi; con heo (động vật sống); con trâu (động vật sống); con gà (động vật sống); con ếch (động vật sống); trái cây tươi; quả tươi; thảo dược tươi dùng làm thực phẩm; nấm dược liệu tươi dùng làm thực phẩm.

- Nhóm 32: Nước ép từ trái cây; nước ép rau quả; nước khoáng; xi rô trái cây.

- Nhóm 33: Rượu các loại (gạo, nếp, nho rừng, cà na, đông trùng, linh chi, chuỗi hạt, vang thốt nốt, hồng quân, dâu tằm, đinh lăng, sâm, chúc).

Điều 10. Các đặc tính chất lượng của hàng hóa được chứng nhận

Các đặc tính chất lượng của sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm liên quan mang nhãn hiệu chứng nhận An Giang được thể hiện tại phụ lục III kèm theo Quy chế này.

Điều 11. Phương pháp đánh giá các đặc tính chất lượng

1. Phương pháp lấy mẫu

Mẫu sản phẩm để đánh giá chất lượng phải được lấy mẫu ngẫu nhiên của lô hàng mang nhãn hiệu do cơ quan quản lý nhãn hiệu thực hiện cùng với tổ chức/cá nhân sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

2. Phương pháp đánh giá đặc tính chất lượng

Các chỉ tiêu chất lượng của sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận phải được đánh giá theo phương pháp quy định trong Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành. Trường hợp phương pháp thử nghiệm không có trong Tiêu chuẩn Việt Nam, phương pháp đánh giá chất lượng sẽ do cấp có thẩm quyền quy định, cụ thể là chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận.

Chương III

ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN

Điều 12. Các hình thức đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

Các hình thức đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận, bao gồm:

1. Đăng ký lần đầu;

2. Đăng ký gia hạn khi giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận hết hiệu lực mà tổ chức/cá nhân muốn tiếp tục sử dụng nhãn hiệu chứng nhận;

3. Đăng ký thay đổi khi tổ chức/cá nhân đã được cấp giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu nhưng muốn điều chỉnh hoặc bổ sung sản phẩm sử dụng nhãn hiệu chứng nhận;

4. Đăng ký lại khi giấy trao quyền sử dụng nhãn của tổ chức, cá nhân bị thu hồi hoặc đình chỉ tạm thời vì một lý do nào đó.

Điều 13. Quy định đối với tổ chức, cá nhân sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

Tổ chức, cá nhân sử dụng nhãn hiệu chứng nhận phải có đủ điều kiện sau:

- Tự nguyện làm và nộp đơn đăng ký tham gia sử dụng (theo mẫu tại phụ lục IV kèm theo Quy chế này).

- Có hoạt động được quy định tại Khoản 1 Điều 5 của quy chế này và thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước.

- Nộp chi phí (nếu có) cho việc thực hiện các hoạt động cấp, duy trì hiệu lực giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận, tổ chức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu chứng nhận và các chi phí khác khi có trên 50% số thành viên tham gia sử dụng nhãn hiệu đồng ý thông qua.

- Thực hiện sản xuất, kinh doanh theo đúng quy trình kỹ thuật sản xuất theo quy định hiện hành.

Điều 14. Đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

1. Mỗi tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận phải có hồ sơ đăng ký riêng, trừ trường hợp sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho nhiều sản phẩm khác nhau có thể đăng ký trong cùng một hồ sơ;

2. Hồ sơ đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận phải viết bằng tiếng Việt;

3. Hồ sơ đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đối với trường hợp đăng ký lại được quy định như đăng ký lần đầu;

4. Hồ sơ đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đối với trường hợp gia hạn chỉ cần Đơn xin gia hạn sử dụng nhãn hiệu chứng nhận;

5. Hồ sơ đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đối với trường hợp thay đổi, bổ sung sản phẩm chỉ cần Đơn đề nghị thay đổi, bổ sung sản phẩm sử dụng nhãn hiệu chứng nhận và Danh mục sản phẩm yêu cầu điều chỉnh hoặc bổ sung.

6. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận An Giang;

b) Bản thuyết minh quy trình sản xuất;

c) Giấy tờ có liên quan (Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...);

d) Bản công bố sản phẩm;

e) Phiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm (không quá 12 tháng);

f) Hồ sơ lập thành 02 bộ, nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến trụ sở Cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng An Giang).

Điều 15. Thời gian xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

1. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận tổ chức thẩm định sản phẩm sản xuất kinh doanh phù hợp với các tiêu chí, trình chủ sở hữu nhãn hiệu chứng

nhận cấp giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đăng ký lần đầu, hoặc đăng ký gia hạn, hoặc đăng ký thay đổi, bổ sung.

2. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận tổ chức thẩm định sản phẩm sản xuất kinh doanh phù hợp với các tiêu chí trình chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận cấp giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đăng ký lại.

3. Trường hợp chưa hoặc không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận, cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Trong trường hợp đặc biệt cần thời gian phân tích kiểm nghiệm mẫu sản phẩm có thể kéo dài thời gian xem xét cấp giấy chứng nhận, nhưng không quá 60 (sáu mươi) ngày làm việc.

Điều 16. Nội dung Giấy trao quyền quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

Giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận gồm các nội dung sau đây:

- Tên (đơn vị, cá nhân) đề nghị:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh (nếu có):
- Loại sản phẩm đề nghị cấp:
- Quy mô sản xuất, kinh doanh của đơn vị:
- Địa điểm sản xuất, kinh doanh của đơn vị:

Điều 17. Hiệu lực của giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

1. Giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận có thời hạn hiệu lực là 03 (ba) năm, từ ngày ký.

2. Trong thời hạn 03 (ba) tháng trước khi giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận hết hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng nhãn hiệu chứng nhận phải tiến hành nộp hồ sơ yêu cầu gia hạn đến Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng An Giang. Quá thời hạn quy định trên, tổ chức, cá nhân phải nộp lại hồ sơ đăng ký như đối với đăng ký lần đầu.

Điều 18. Quy định cấp lại, sửa đổi, bổ sung thông tin, gia hạn hiệu lực giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang

1. Giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang được cấp lại, sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn trong các trường hợp bị mất, bị rách, bị mờ trong quá trình sử dụng hoặc hết hạn theo quy định.

2. Hồ sơ yêu cầu cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn trên giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận (mẫu tại phụ lục VI).

b) Bản gốc giấy trao quyền sử dụng còn giá trị (với trường hợp gia hạn).

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thẩm định hồ sơ

Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng An Giang phải tiến hành thẩm định hồ sơ đăng ký lần đầu, hoặc đăng ký gia hạn, hoặc đăng ký thay đổi, bổ sung của tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu.

4. Đồng ý cấp lần đầu, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy trao quyền sử dụng

Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng An Giang tham mưu Sở khoa học và Công nghệ có Quyết định đồng ý hoặc từ chối đối với đăng ký lần đầu, sửa đổi, bổ sung, gia hạn; 10 (mười) ngày lại việc đối với cấp lại.

Trường hợp từ chối cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng An Giang phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 19. Hình thức cấp nhãn hiệu chứng nhận

Hình thức cấp logo nhãn hiệu chứng nhận gồm 02 hình thức: (i) nhận tem in sẵn logo nhãn hiệu chứng nhận và cấp cho tổ chức, cá nhân sử dụng; (ii) cấp file mềm để tổ chức, cá nhân tự in và sử dụng sẽ do chủ sở hữu quyết định.

Chương IV

QUẢN LÝ VIỆC SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN

Điều 20. Cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng là cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận.

Điều 21. Chức năng nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận

- Kiểm tra, tổ chức đánh giá việc sử dụng nhãn hiệu An Giang;
- Tham mưu Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện cấp, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.
- Tham mưu phát triển, quản lý và kiểm soát việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang theo đúng các quy định tại Quy chế này;
- Kiểm tra, giám sát và được phép tạm dừng việc sử dụng nhãn hiệu trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định tại Quy chế này;
- Có trách nhiệm phổ biến và cung cấp thông tin liên quan đến nhãn hiệu chứng nhận cho các tổ chức, cá nhân sử dụng (NHCN...).

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 24 hoặc Điều 25 Quy chế này.

Điều 22. Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

- Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận trên biển hiệu, bao bì sản phẩm, phương tiện kinh doanh, giao dịch, quảng cáo;
- Sử dụng đúng và chính xác;
- Chỉ sử dụng khi được cơ quan chủ sở hữu cấp chứng nhận;
- Được sử dụng nhãn hiệu chứng nhận kèm nhãn hiệu riêng của doanh nghiệp, nhưng không được sử dụng làm nhãn hiệu chính cho sản phẩm của mình;
- Không được tự ý chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

Chương V

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN

Điều 23. Quyền của tổ chức, cá nhân

Tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận chứng nhận có quyền:

- a) Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận được bảo hộ theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
- b) Có quyền khai thác, sử dụng và hưởng các lợi ích kinh tế phát sinh từ nhãn hiệu chứng nhận;
- c) Được nhà nước bảo hộ quyền sử dụng hợp pháp nhãn hiệu chứng nhận;
- d) Được tham gia các chương trình quảng bá, phát triển nhãn hiệu chứng nhận trên các phương tiện truyền thông;
- đ) Được tham gia ý kiến nhằm nâng cao giá trị và uy tín cho nhãn hiệu chứng nhận;
- e) Được sử dụng nhãn hiệu chứng nhận kèm theo nhãn hiệu riêng của tổ chức, cá nhân;
- f) Được hướng dẫn các thủ tục về đăng ký và được biết các thông tin liên quan đến nhãn hiệu chứng nhận;
- g) Được đề nghị Chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận thu lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận khi không có nhu cầu sử dụng;
- h) Được khiếu nại các quyết định của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận;
- i) Đề xuất thay đổi Quy trình kỹ thuật sản xuất kinh doanh.

Điều 24. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

- a) Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đúng theo mẫu được quy định tại Điều 6 và tuân thủ các quy định của Quy chế này;
- b) Tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận không được tự ý chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận dưới bất kỳ hình thức nào;

c) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy chứng nhận sử dụng nhãn hiệu chứng nhận có trách nhiệm trong việc duy trì và phát triển giá trị tài sản trí tuệ của nhãn hiệu chứng nhận;

d) Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất, kinh doanh và đảm bảo sản phẩm lưu hành đúng với hồ sơ đăng ký;

e) Chịu trách nhiệm đối với tất cả các thông tin cung cấp trong hồ sơ đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận;

f) Hợp tác và tạo điều kiện cho việc thực hiện phân tích, kiểm nghiệm và đánh giá sản phẩm, cơ sở sản xuất kinh doanh khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận.

g) Đề nghị chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận khi không có nhu cầu sử dụng.

h) Kịp thời cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định trong sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang để cơ quan quản lý nhãn hiệu xem xét, giải quyết.

Điều 25. Các hành vi vi phạm, các trường hợp hồi quyền quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang

1. Các hành vi được xem là vi phạm quyền sở hữu và quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận theo Quy chế này bao gồm:

a) Hành vi sử dụng nhãn hiệu chứng nhận của các tổ chức, cá nhân được cấp giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận theo quy chế này nhưng không thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu theo Điều 23 Quy chế này;

b) Hành vi sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho các loại sản phẩm nông nghiệp chưa được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh An Giang;

c) Hành vi sử dụng nhãn hiệu chứng nhận của tất cả tổ chức, cá nhân khác khi chưa được sự cho phép của Chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận.

2. Trong thời hạn giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận còn hiệu lực, Cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận sẽ xem xét, quyết định thu hồi giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đã được cấp trong các trường hợp sau đây:

a) Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận không đúng với hồ sơ đăng ký lưu hành đã được xét duyệt;

b) Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho từ 02 lô sản phẩm (là một lượng sản phẩm được sản xuất trong một chu kỳ sản xuất xác định và theo một lệnh sản xuất cụ thể, đồng đều về tính chất và chất lượng) không đạt tiêu chuẩn chất lượng hoặc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm vi phạm tiêu chuẩn chất lượng một lần nhưng nghiêm trọng do Cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận tham mưu Chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận ban hành quy định.

c) Người sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đề nghị thu hồi Quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận của mình;

d) Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang cùng với nhãn hiệu khác bị các cơ quan có thẩm quyền kết luận là xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

e) Không nộp (hoặc nộp chậm quá 30 ngày) chi phí đã được thống nhất của trên 50% số thành viên tham gia sử dụng nhãn hiệu đồng ý thông qua.

f) Trên 50% số thành viên tham gia sử dụng nhãn hiệu đồng ý đưa ra khỏi danh sách sử dụng.

Điều 26. Tạm dừng quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

Tạm dừng sử dụng nhãn hiệu chứng nhận trên sản phẩm trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức/cá nhân sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm bị đình chỉ lưu hành trong 01 năm;

b) Tổ chức/cá nhân vi phạm nghiêm trọng Quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

c) Tổ chức/cá nhân sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cung cấp các thông tin sai lệch hoặc không cung cấp các thông tin về tiêu chuẩn chất lượng, Quy trình sản xuất, ... trong quá trình kiểm nghiệm, đánh giá.

d) Tổ chức/cá nhân thực hiện các hình vi chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận dưới bất cứ hình thức nào (mua bán, trao tặng, nhượng quyền...).

Điều 27. Trách nhiệm thi hành, phát hiện và xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân khi phát hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu chứng nhận An Giang đều có quyền yêu cầu Chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận hoặc Cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận xử lý hành vi vi phạm.

2. Các tổ chức, cá nhân khi sử dụng nhãn hiệu chứng nhận phải tuân thủ tất cả các quy định tại quy chế này. Trường hợp vi phạm, tùy theo mức độ mà bị xử lý theo quy chế và các quy định có liên quan.

3. Cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận có trách nhiệm:

a) Tổ chức hướng dẫn và thực hiện các quy định của Quy chế này;

b) Cập nhật hồ sơ đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận và các hướng dẫn kỹ thuật kèm theo để các đối tượng có liên quan triển khai thực hiện;

c) Cập nhật thường xuyên danh mục các sản phẩm được phép sử dụng nhãn hiệu chứng nhận trên trang thông tin điện tử (website) các sản phẩm nổi tiếng tỉnh An Giang;

d) Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn cụ thể của các sản phẩm được phép sử dụng NHCN “An Giang”;

đ) Từng bước đăng tải trên website các thông tin liên quan đến đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận sau đây:

- Danh mục các sản phẩm được phép sử dụng “Nhãn hiệu chứng nhận An Giang”;
- Hướng dẫn đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận;

- Danh sách các tổ chức, cá nhân sử dụng nhãn hiệu chứng nhận vi phạm các quy định quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận;

e) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện;

f) Tổ chức thẩm định hồ sơ đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận theo quy trình thẩm định tại chỗ và thực địa, trình Chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận ký Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn cho tổ chức, cá nhân đủ điều kiện;

g) Trả lời bằng văn bản các đề nghị chỉnh sửa, bổ sung đối với các hồ sơ đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận còn thiếu;

h) Tổ chức hoạt động kiểm tra và đánh giá sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu chứng nhận theo các tiêu chí quy định tại Quy chế này để cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận; hàng năm kiểm tra, giám sát việc sử dụng nhãn hiệu của tổ chức, cá nhân đã được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu và phối hợp với các ngành để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu;

i) Quản lý, kiểm soát việc cấp và thu hồi quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đối với các tổ chức, cá nhân liên quan;

j) Báo cáo và đề xuất với chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận phương án xử lý khi phát hiện có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu chứng nhận

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Giải quyết tranh chấp về nhãn hiệu chứng nhận

1. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp giải quyết đối với các tranh chấp xảy ra trong nội bộ giữa các thành viên được cấp sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang.

2. Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết theo quy định của pháp luật đối với các tranh chấp về nhãn hiệu chứng nhận An Giang với bên ngoài (của thành viên được quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận hoặc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng với các cá nhân, tổ chức bên ngoài).

3. Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết lần đầu và Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang giải quyết lần cuối đối với các tranh chấp giữa Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng với tổ chức, cá nhân sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Tổ chức/cá nhân có nhu cầu sử dụng nhãn hiệu chứng nhận phải thực hiện việc nộp hồ sơ đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận theo quy định tại Quy chế này kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực.

2. Việc áp dụng thu, chi chi phí (nếu có) sẽ thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ (được 50% người sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đồng ý, dưới sự kiểm soát của Sở Tài chính) phục vụ cho việc thực hiện các hoạt động cấp, duy trì hiệu lực giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang, phát triển giá trị tài sản trí tuệ của nhãn hiệu và phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) hoặc Chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận (Sở Khoa học và Công nghệ An Giang) để xem xét bổ sung, giải quyết, điều chỉnh cho phù hợp./.

Phụ lục I

MẪU “NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN AN GIANG”

(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-SKHCN ngày 16 tháng 02 năm 2023
của Sở Khoa học và Công nghệ An Giang)

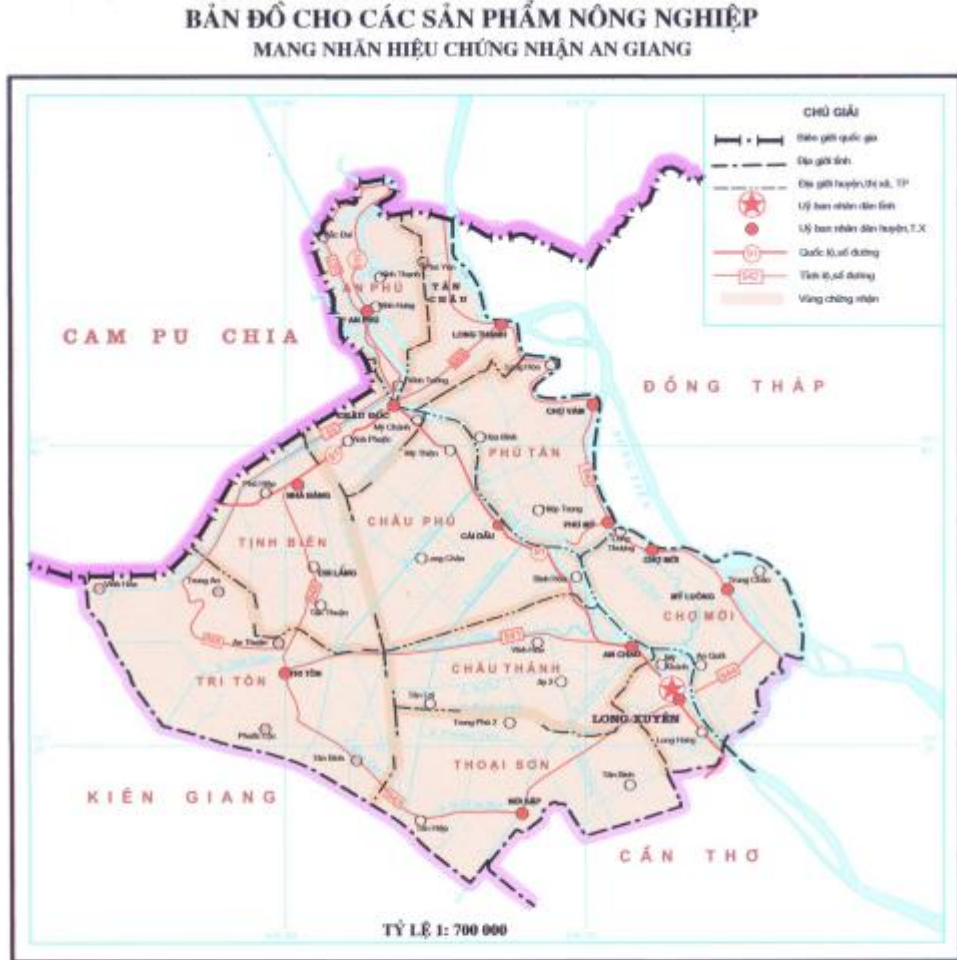


- Nhóm 05: Năm dược liệu dùng cho mục đích y tế.
- Nhóm 08: Công cụ, dụng cụ cầm tay thao tác thủ công; dao (dụng cụ cầm tay); kéo (dụng cụ cầm tay); kìm (dụng cụ cầm tay).
- Nhóm 20: Giường gỗ; tủ gỗ; bàn gỗ; ghế gỗ; kệ gỗ; đồ gỗ mỹ thuật.
- Nhóm 21: Đồ dùng nhà bếp không dùng điện; bộ đồ ăn (ngoài dao, thìa, đĩa); chén; bát; đĩa; ly (cốc); bộ tách trà; lược (bằng gỗ thốt nốt).
- Nhóm 24: Vải lụa; chăn; ga; vỏ gối; khăn trải bàn, không làm bằng giấy; rèm cửa (bằng vải lụa).
- Nhóm 25: Khăn quàng cổ; mũ [nón] bằng vải lụa; quần áo bằng vải lụa.
- Nhóm 29: Thịt bò, **thịt heo, thịt trâu, thịt gà, thịt ếch**, tôm, cá, lươn (đã qua chế biến), nấm ăn, rau ăn lá, rau ăn củ, rau ăn quả, **trái cây** (đã qua chế biến); **trái cây được bảo quản; mút hoa quả; nấm dược liệu (đã qua chế biến dùng làm thực phẩm); sản phẩm thay thế sữa (sữa gạo, sữa đậu nành,...); tổ yến (yến sào); yến tinh chế; yến sào đã qua sơ chế, chế biến.**
- Nhóm 30: Gạo tẻ, gạo nếp; trà túi lọc chùm ngây, trà atiso đỏ, trà xạ đen, trà túi lọc đỉnh lăng, trà măng cầu xiêm, trà linh chi, trà tía tô, trà nấm đông trùng hạ thảo, trà tiên; **đường; mật đường; nước màu thực phẩm (đường trắng); tương; nước tương; bánh kẹo; bột; trứng gia cầm.**
- Nhóm 31: Lúa tẻ giống; lúa nếp giống; nấm ăn tươi; **nấm dược liệu tươi dùng làm thực phẩm; rau ăn lá tươi, rau ăn củ tươi, rau ăn quả tươi, quả xoài tươi; con bò giống; tôm tươi; cá tươi, lươn tươi; con heo (động vật sống); con trâu (động vật sống); con gà (động vật sống); con ếch (động vật sống); trái cây tươi; quả tươi; thảo dược tươi dùng làm thực phẩm; nấm dược liệu tươi dùng làm thực phẩm.**
- Nhóm 32: Nước ép từ trái cây; **nước ép rau quả;** nước khoáng; xi rô trái cây.

- Nhóm 33: Rượu các loại (gạo, nếp, nho rừng, cà na, đông trùng, linh chi, chuối hột, vang thốt nốt, hồng quân, dâu tằm, đinh lăng, trâm, chúc).

Phụ lục II

(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-SKHCN ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ An Giang)



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Hoàng Thị Thanh Thủy
Hoàng Thị Thanh Thủy



Trần Anh Thư
Trần Anh Thư

Phụ lục III

Đặc tính chứng nhận các sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận An Giang

(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-SKHCN ngày 16 tháng 02 năm 2023

của Sở Khoa học và Công nghệ An Giang)

1. Gạo tẻ - từ lúa, Gạo nếp bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: sản xuất, chế biến trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất: sản xuất lúa nguyên liệu an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn GAP (QCVN 01-134/2013/BNNPTNT).
- Chất lượng: theo hướng an toàn hoặc theo hướng VietGAP.
- Tiêu chuẩn đánh giá: QCVN 8-2:2011/BYT và Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016-quy định dư lượng thuốc BTV trong thực phẩm và TCVN 5644-2008-tiêu chuẩn về gạo trắng hoặc có văn bản mới thay thế, bổ sung.

2. Lúa giống, Nếp giống bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: Được trồng, sản xuất trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất: Lúa giống đảm bảo các quy định theo Thông tư số 42/2009/TT-BNNPTNT.
- Chất lượng: theo QCVN 01-54:2011/BNNPTNT-quy chuẩn chất lượng về giống lúa.

3. Nấm ăn (đã chế biến) bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: nguyên liệu được sản xuất, chế biến hoặc kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất: sản phẩm phải được sản xuất, chế biến và kinh doanh theo tiêu chuẩn an toàn hoặc tiêu chuẩn VietGAP.
- Chất lượng: phải đảm bảo tiêu chuẩn TCVN 5322:1991, hoặc có văn bản mới thay thế, bổ sung.

4. Nấm ăn tươi (chưa qua chế biến) bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được trồng trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hoá: sản phẩm phải được sản xuất, chế biến và kinh doanh theo tiêu chuẩn rau an toàn hoặc tiêu chuẩn VietGAP.
- Chất lượng: sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.
- Phương pháp đánh giá đặc tính theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế, hoặc có văn bản mới thay thế, bổ sung.

5. Nấm dược liệu (đã qua chế biến) gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hóa: Cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh được chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an thực phẩm; Cơ sở đã được cấp một

trong các Giấy chứng nhận theo điểm k, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 hoặc tiêu chuẩn TCVN 11892-1:2017 VietGAP, QCVN 01-132:2013/BNNPTNT (Thông tư số 07/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/01/2013).

- Chỉ tiêu đánh giá chất lượng: đáp ứng quy định theo TCVN 5322:1991, QCVN 8-1:2011/BYT, QCVN 8-2:2011/BYT, Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm, Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm hoặc có văn bản mới thay thế, bổ sung.

6. Nấm dược liệu tươi bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được trồng, sản xuất trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hóa: sản phẩm phải được sản xuất theo tiêu chuẩn rau an toàn hoặc tiêu chuẩn VietGAP.
- Chất lượng: sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP.
- Chỉ tiêu đánh giá chất lượng: đáp ứng quy định theo QCVN 8-2:2011/BYT, QCVN 8-3:2011/BYT, Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm, Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về Quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm hoặc có văn bản mới thay thế, bổ sung.

7. Thảo dược tươi bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được trồng trên địa bàn tỉnh An Giang
- Cách thức sản xuất: Cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh được chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an thực phẩm; Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận theo điểm k, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 hoặc tiêu chuẩn TCVN 11892-1:2017 VietGAP.
- Chỉ tiêu đánh giá: Theo QCVN 8-2:2011/BYT, QCVN 8-3:2011/BYT, Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm, Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về Quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm hoặc có văn bản mới thay thế, bổ sung.

8. Rau ăn lá tươi, rau ăn quả tươi, rau ăn củ tươi bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được trồng trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất: sản phẩm phải được sản xuất, chế biến và kinh doanh theo tiêu chuẩn rau an toàn hoặc tiêu chuẩn VietGAP (QCVN 8-2:2011/BYT, QCVN 8-3:2011/BYT, Thông tư số 50/2016/TT-BYT).
- Chất lượng: phải đảm bảo các chỉ tiêu về mức giới hạn tối đa cho phép của một số vi sinh vật, hóa chất gây hại trong sản phẩm rau tươi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hoặc có văn bản mới thay thế, bổ sung.

9. Rau ăn lá, rau ăn quả, rau ăn củ (đã qua chế biến) bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: nguyên liệu được sản xuất, chế biến mang nhãn hiệu chứng nhận An Giang.

- Cách thức sản xuất: sản phẩm phải được sản xuất, chế biến và kinh doanh theo tiêu chuẩn rau an toàn hoặc tiêu chuẩn VietGAP (QCVN 8-2:2011/BYT, QCVN 8-3:2011/BYT, Thông tư số 50/2016/TT-BYT).

- Chất lượng: phải đảm bảo các chỉ tiêu về mức giới hạn tối đa cho phép của một số vi sinh vật, hóa chất gây hại trong sản phẩm rau tươi (Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2007/QĐ-BNN ngày 28/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Thông tư số 02/VBHN-BYT ngày 15/6/2015, hoặc có văn bản mới thay thế, bổ sung.

10. Trái cây (đã qua chế biến); trái cây được bảo quản; mứt hoa quả bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Cách thức sản xuất hàng hóa: Cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh được chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an thực phẩm; Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận theo điểm k, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 hoặc tiêu chuẩn TCVN 11892-1:2017 VietGAP.

- Chỉ tiêu đánh giá chất lượng: Theo TCVN 11413:2016, QCVN 8-1:2011/BYT, QCVN 8-2:2011/BYT, Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm, Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về Quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm hoặc có văn bản mới thay thế hoặc bổ sung.

11. Trái cây tươi; quả tươi bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được trồng, sản xuất trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Cách thức sản xuất hàng hóa: Cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh được chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an thực phẩm; Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận theo điểm k, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 hoặc tiêu chuẩn TCVN 11892-1:2017 VietGAP; QCVN 01-132:2013/BNNPTNT (Thông tư số 07/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/01/2013).

- Chỉ tiêu đánh giá chất lượng: đáp ứng quy định theo QCVN 8-2:2011/BYT, QCVN 8-3:2011/BYT, Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm, Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về Quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm hoặc có văn bản mới thay thế hoặc bổ sung.

12. Tôm (đã chế biến), bao gồm các đặc tính

- Nguyên liệu: chủ yếu là tôm nước ngọt được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Cách thức sản xuất hàng hoá: theo tiêu chuẩn TCVN 5603:2008; QCVN 02-23:2017/BNNPTNT.

- Chất lượng: Tôm qua chế biến phải đảm bảo các quy định theo tiêu chuẩn: QCVN 8-3:2012/BYT ngày 01/3/2012 và QCVN 8-2:2011/BYT hoặc có văn bản mới ban hành thay thế, bổ sung.

13. Tôm tươi bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: chủ yếu là tôm nước ngọt được nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hoá: theo hướng an toàn chất lượng VietGAP, GlobalGAP và các tiêu chuẩn quốc tế khác tương đương.
- Tiêu chuẩn đánh giá: Theo Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 hoặc có văn bản mới ban hành thay thế hoặc bổ sung.

14. Cá (đã qua chế biến) bao gồm các đặc tính

- Nguyên liệu: là cá nước ngọt được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hoá: theo tiêu chuẩn TCVN 5603:2008; QCVN 02-23:2017/BNNPTNT.
- Chất lượng: Cá qua chế biến phải đảm bảo các quy định theo Thông tư số 07/2017/TT-BNNPTNT ngày 21/3/2017 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sản phẩm thủy sản- cá tra phi lê đông lạnh hoặc có văn bản mới ban hành thay thế hoặc bổ sung.

15. Cá tươi bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: là cá nước ngọt được nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hoá: theo hướng an toàn chất lượng VietGAP, GlobalGAP và các tiêu chuẩn quốc tế khác tương đương.
- Tiêu chuẩn đánh giá: Theo Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 hoặc có văn bản mới ban hành thay thế hoặc bổ sung.

16. Lươn (đã qua chế biến) bao gồm các đặc tính

- Nguyên liệu: Được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hoá: theo tiêu chuẩn TCVN 5603:2008; QCVN 02-23:2017/BNNPTNT.
- Chất lượng: Lươn qua chế biến phải đảm bảo các quy định theo tiêu chuẩn: QCVN 8-3:2012/BYT ngày 01/3/2012 và QCVN 8-2:2011/BYT hoặc có văn bản mới ban hành thay thế, bổ sung.

17. Lươn tươi bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: Được nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hoá: theo hướng an toàn chất lượng VietGAP, GlobalGAP và các tiêu chuẩn quốc tế khác tương đương.
- Tiêu chuẩn đánh giá: Theo Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 hoặc có văn bản mới ban hành thay thế, bổ sung.

18. Thịt bò và các sản phẩm chế biến từ thịt bò, bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang

- Cách thức sản xuất: theo tiêu chuẩn TCVN 5603:2008; QCVN 01-150:2017/BNNPTNT.

- Chất lượng: Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm do Bộ Y tế quy định.

Tiêu chuẩn đánh giá: QCVN 8-2:2011/BYT hoặc có văn bản mới thay thế, bổ sung.

19. Con bò thịt, bò bố mẹ bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Cách thức sản xuất hàng hoá: Nuôi theo hướng áp dụng quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi bò thịt tại Việt Nam-VietGAHP (Quyết định 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015) và có liên kết sản xuất.

- Chất lượng: đáp ứng quy định chăn nuôi của thú y.

20. Con bò giống, bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được sinh sản từ bò mẹ mang nhãn hiệu chứng nhận An Giang

- Cách thức sản xuất hàng hoá: nuôi theo hướng áp dụng quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi bò thịt tại Việt Nam-VietGAHP (Quyết định 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015) và có liên kết sản xuất.

- Phương pháp đánh giá đặc tính sản phẩm theo tiêu chuẩn theo QCVN 01-44:2011; TCVN 5286-90; Thông tư số 10/2017/TT-BNNPTNT ngày 29/5/2017 hoặc có văn bản mới thay thế, bổ sung.

21. Thịt heo và các sản phẩm chế biến từ thịt heo bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Cách thức sản xuất hàng hoá: Cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh được chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an thực phẩm; Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận theo điểm k, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018; QCVN 01-150:2017/BNNPTNT hoặc theo quy trình thực hành chăn nuôi tốt VietGAHP (Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015).

- Chỉ tiêu đánh giá: Theo QCVN 8-1:2011/BYT, QCVN 8-2:2011/BYT, QCVN 8-3:2012/BYT, Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về Quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm; Thông tư số 24/2013/TT-BYT ngày 14/8/2013 của Bộ Y tế ban hành quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm; TCVN 7049: 2020 Thịt chế biến đã qua xử lý nhiệt hoặc có văn bản mới thay thế, bổ sung.

22. Con heo thịt bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Cách thức sản xuất hàng hoá: Nuôi theo hướng áp dụng quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi heo thịt tại Việt Nam-VietGAHP (Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015) và có liên kết sản xuất.

- Chất lượng: đáp ứng quy định về lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

23. Thịt gà và các sản phẩm chế biến từ thịt gà bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hoá: Cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh được chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an thực phẩm; Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận theo điểm k, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018; QCVN 01- 150:2017/BNNPTNT, hoặc theo quy trình thực hành chăn nuôi tốt VietGAHP (Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015).
- Chỉ tiêu đánh giá: QCVN 8-2:2011/BYT, QCVN 8-3:2012/BYT, Thông tư số 24/2013/TT-BYT ngày 14/8/2013 của Bộ Y tế ban hành quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm, TCVN 7049: 2020 Thịt chế biến đã qua xử lý nhiệt hoặc có văn bản mới thay thế, bổ sung.

24. Con gà thịt bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hóa: Nuôi theo hướng áp dụng quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi gà thịt tại Việt Nam-VietGAHP (Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015) và có liên kết sản xuất.
- Chất lượng: đáp ứng quy định về lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

25. Thịt trâu và các sản phẩm chế biến từ thịt trâu, bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hóa: Cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh được chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an thực phẩm, Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận theo điểm k, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018; QCVN 01- 150:2017/BNNPTNT hoặc theo quy trình thực hành chăn nuôi tốt VietGAHP (Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015).
- Chỉ tiêu đánh giá: Theo QCVN 8-1:2011/BYT, QCVN 8-2:2011/BYT, QCVN 8-3:2012/BYT, Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về Quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm; Thông tư số 24/2013/TT-BYT ngày 14/8/2013 của Bộ Y tế ban hành quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm, TCVN 7049: 2020 Thịt chế biến đã qua xử lý nhiệt hoặc có văn bản mới thay thế, bổ sung.

26. Con trâu thịt bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hóa: Nuôi theo hướng áp dụng quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi bò thịt tại Việt Nam-VietGAHP (Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015) và có liên kết sản xuất.
- Chất lượng: đáp ứng quy định về lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

27. Thịt ếch (đã qua chế biến) bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: Được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Cách thức sản xuất hàng hoá: Cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh được chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an thực phẩm, Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận theo điểm k, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018; QCVN 02-23:2017/BNNPTNT hoặc theo thực hành nuôi trồng thủy sản tốt VietGAP (Quyết định số 3824/QĐ-BNN-TCTS ngày 06/9/2014).

- Chi tiêu đánh giá: Theo QCVN 8-1:2011/BYT, QCVN 8-2:2011/BYT, QCVN 8-3:2012/BYT, Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về Quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm hoặc có văn bản mới thay thế, bổ sung.

28. Ếch tươi bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: Được nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Cách thức sản xuất hàng hoá: theo hướng an toàn chất lượng VietGAP, GlobalGAP và các tiêu chuẩn quốc tế khác tương đương.

- Tiêu chuẩn đánh giá: Theo QCVN 8-3:2012/BYT hoặc có văn bản mới ban hành thay thế, bổ sung.

29. Sản phẩm thay thế sữa bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: Được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Cách thức sản xuất hàng hóa: sản phẩm phải được sản xuất, chế biến và kinh doanh theo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Chất lượng: phải đảm bảo tiêu chuẩn QCVN 8-1:2011/BYT, QCVN 8-3:2012/BYT, Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm, Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về Quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm hoặc văn bản mới thay thế, bổ sung.

30. Tổ yến (yến sào)

- Xuất xứ: Được nuôi, sản xuất trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Cách thức sản xuất hàng hóa: Cơ sở sản xuất đáp ứng quy định tại Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/1/2020 của Chính phủ và quy định về lĩnh vực chăn nuôi.

- Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng: đáp ứng quy định theo Phụ lục số 7 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/1/2020 của Chính phủ và quy định về lĩnh vực chăn nuôi hoặc văn bản mới thay thế, bổ sung.

31. Yến tinh chế; yến sào đã qua chế biến gồm các đặc tính

- Xuất xứ: Được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Cách thức sản xuất hàng hóa: Cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh được chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an thực phẩm, Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận theo điểm k, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 hoặc tương đương còn hiệu lực.

- Tiêu chuẩn đánh giá: Theo QCVN 6-2:2010/BYT, QCVN 8-2:2011/BYT, Quyết định số 46/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế quy định

giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học, hóa học trong thực phẩm và danh mục các chất hỗ trợ chế biến được phép sử dụng trong sản xuất, chế biến thực phẩm; Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về Quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm hoặc có văn bản mới thay thế, bổ sung.

32. Tàu hủ ky [váng đậu] bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: Được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Cách thức sản xuất hàng hóa: Cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh được chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an thực phẩm, Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận theo điểm k, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 hoặc tương đương còn hiệu lực.

- Tiêu chuẩn đánh giá: theo QCVN 8-1:2011/BYT, QCVN 8-2:2011/BYT, Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm, Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về Quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm hoặc văn bản mới thay thế, bổ sung.

33. Trà (chè) bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Cách thức sản xuất hàng hóa: Cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh được chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an thực phẩm, Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận theo điểm k, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 hoặc tương đương còn hiệu lực; QCVN 01-132:2013/BNNPTNT (Thông tư số 07/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/01/2013).

- Tiêu chuẩn đánh giá: Tiêu chuẩn TCVN 7975:2008, TCVN 9740: 2013, QCVN 8-2:2011/BYT, Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm, Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về Quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm hoặc văn bản mới thay thế, bổ sung.

34. Đường; mật đường bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Cách thức sản xuất hàng hóa: Cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh được chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an thực phẩm, Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận theo điểm k, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 hoặc tương đương còn hiệu lực;

- Tiêu chuẩn đánh giá: QCVN 8-2:2011/BYT, QCVN 8-3:2011/BYT, Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm, Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về Quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm hoặc văn bản mới thay thế, bổ sung.

35. Nước màu thực phẩm (đường thẳng) bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Cách thức sản xuất hàng hóa: sản phẩm phải được sản xuất, kinh doanh theo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tiêu chuẩn đánh giá: theo quy định hiện hành (nếu có).

36. Tương; nước tương bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hóa: Cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh được chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an thực phẩm, Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận theo điểm k, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 hoặc tương đương còn hiệu lực.

- Tiêu chuẩn đánh giá: Theo QCVN 8-1:2011/BYT và QCVN 8-2:2011/BYT, Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm, Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về Quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm hoặc văn bản mới thay thế, bổ sung.

37. Bánh kẹo bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hóa: sản phẩm phải được sản xuất, kinh doanh theo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Chất lượng: phải đảm bảo các quy định theo tiêu chuẩn TCVN 5908: 2009 hoặc văn bản mới thay thế, bổ sung.

38. Bột gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hóa: sản phẩm phải được sản xuất, kinh doanh theo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Chất lượng: theo quy định hiện hành (nếu có).

39. Nước khoáng gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hóa: sản phẩm phải được sản xuất, kinh doanh theo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Chỉ tiêu đánh giá: theo tiêu chuẩn: QCVN 6-1:2010/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai), QCVN 8-2:2011/BYT, QCVN 8-3:2011/BYT, QCVN 01-1:2018/BYT hoặc văn bản mới thay thế, bổ sung.

40. Nước ép trái cây; nước ép rau quả; xi-rô bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hóa: Cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh được chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an thực phẩm, Cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận theo điểm k, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 hoặc tương đương còn hiệu lực.
- Tiêu chuẩn đánh giá: Theo QCVN 6-2:2010/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn), Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Quy chuẩn QCVN 6-1:2010/BYT,

Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm, Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về Quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm hoặc có văn bản mới thay thế, bổ sung.

41. Rượu bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được sản xuất, chế biến và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hóa: sản phẩm phải được sản xuất, kinh doanh theo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Chỉ tiêu đánh giá: phải đảm bảo các quy định theo tiêu chuẩn: QCVN 6-3:2010/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống có cồn), Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế hoặc có văn bản mới thay thế, bổ sung.

42. Trứng bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hóa: sản phẩm phải được sản xuất, kinh doanh theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia vệ sinh thú y: QCVN 01 - 82: 2011/BNNPTNT.
- Chỉ tiêu đánh giá: theo tiêu chuẩn TCVN 1858:2018, TCVN 1442:2018, QCVN 8-3:2011/BYT, Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm; Thông tư số 24/2013/TT-BYT ngày 14/8/2013 của Bộ Y tế ban hành quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm hoặc văn bản mới thay thế, bổ sung.

43. Công cụ, dụng cụ cầm tay thao tác thủ công (Dao, Kéo, Kim, ...) bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: sản xuất, chế tạo và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hóa: theo quy định hiện hành (nếu có).
- Tiêu chuẩn đánh giá: theo quy định hiện hành (nếu có).

44 Giường gỗ, tủ gỗ, bàn gỗ, ghế gỗ, kệ gỗ, đồ gỗ mỹ thuật bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: Được sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hóa: theo quy định hiện hành (nếu có).
- Tiêu chuẩn đánh giá: đảm bảo quy định theo TCVN 5373:2020, các quy định hiện hành khác (nếu có) hoặc văn bản mới thay thế, bổ sung.

45. Đồ dùng nhà bếp không dùng điện, bộ đồ ăn (ngoài dao, thìa, đĩa), chén, bát, đĩa, ly (cốc), bộ tách trà, lược (bằng gỗ thốt nốt) bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: được sản xuất, chế tạo và kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất hàng hóa: theo quy định hiện hành (nếu có).
- Tiêu chuẩn đánh giá: theo quy định hiện hành (nếu có).

46. Vải lụa, chăn, ga, vỏ gối, khăn trải bàn, không làm bằng giấy, rèm cửa (bằng vải lụa) bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: nguyên liệu được sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất: theo quy định hiện hành (nếu có).
- Chất lượng: theo quy định hiện hành (nếu có).

47. Khăn quàng cổ; mũ [nón] bằng vải lụa; quần áo bằng vải lụa bao gồm các đặc tính

- Xuất xứ: nguyên liệu được sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Cách thức sản xuất: theo quy định hiện hành (nếu có).
- Chất lượng: theo quy định hiện hành (nếu có).

Phụ lục IV

(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-SKHCN ngày 16 tháng 02 năm 2023

của Sở Khoa học và Công nghệ An Giang)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRAO QUYỀN SỬ DỤNG
NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN AN GIANG**

Kính gửi:

Tên (đơn vị, cá nhân) đề nghị:

.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Email:

Quyết định thành lập hoặc giấy phép kinh doanh (nếu có):

.....

.....

Sau khi nghiên cứu các quy định về quản lý, sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang, liên hệ với điều kiện cụ thể của đơn vị, chúng tôi đăng ký được cấp giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang:

Loại sản phẩm đề nghị cấp:

Quy mô sản xuất, kinh doanh của đơn vị:

Địa điểm sản xuất, kinh doanh của đơn vị:

.....

Hồ sơ kèm theo:

- Bản cam kết về việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang.

Chúng tôi cam đoan những thông tin đăng ký trên là đúng sự thật; đồng thời cam kết thực hiện nghiêm, đầy đủ các yêu cầu của Nhà nước quy định về quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang.

An Giang, ngàytháng.... năm

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục V

*(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-SKHCCN ngày 16 tháng 02 năm 2023
của Sở Khoa học và Công nghệ An Giang)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN CAM KẾT

VỀ VIỆC SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN AN GIANG

Kính gửi:

Tên (đơn vị, cá nhân):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Email:

Quyết định thành lập hoặc giấy phép kinh doanh (nếu có):.....

.....

Nếu được trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang, chúng tôi cam kết tuân thủ nghiêm ngặt và đầy đủ các quy định liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận nhằm duy trì, bảo vệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển giá trị tài sản trí tuệ đối với nhãn hiệu chứng nhận An Giang:

1. Sử dụng đúng và chính xác nhãn hiệu chứng nhận gồm cả tên nhãn hiệu và hình ảnh logo.
2. Chỉ sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm đã được cơ quan quản lý cấp giấy chứng nhận sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang.
3. Nhãn hiệu chứng nhận được sử dụng kèm với nhãn hiệu chính thức của đơn vị, nhưng không sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang làm nhãn hiệu chính cho sản phẩm của mình.
4. Không tự ý chuyển nhượng nhãn hiệu chứng nhận dưới bất kỳ hình thức nào.
5. Phổ biến và cung cấp đầy đủ cho các thành viên thông tin cần thiết có liên quan đến nhãn hiệu chứng nhận, sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.
6. Chấp hành chế độ kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của Cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận việc sử dụng nhãn hiệu của đơn vị.
7. Đóng các khoản phí, lệ phí theo quy định.
8. Thực hiện đầy đủ các nội dung của Quy định này và các quy định tại quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang.
9. Tuân thủ nghiêm ngặt và đầy đủ các quy định liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận nhằm duy trì, bảo vệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển giá trị tài sản trí tuệ đối với nhãn hiệu chứng nhận An Giang.

10. Duy trì và bảo đảm chất lượng hàng hóa mang nhãn hiệu chứng nhận An Giang.

Nếu vi phạm những điều đã cam kết trên, chúng tôi xin chịu mọi hình thức xử lý của cơ quan quản lý nhà nước.

An Giang, ngày tháng năm
Người cam kết
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VI

(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-SKHCN ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN GIẤY TRAO QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN AN GIANG

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân:

2. Họ và tên người đại diện (nếu là tổ chức):.....

3. Địa chỉ:

4. Điện thoại:..... Fax :.....

ĐỀ NGHỊ

Về việc:

- Sửa đổi, bổ sung Giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang
- Gia hạn Giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang
- Cấp lại Giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang

Lý do:

- Thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân đã ghi trên giấy trao quyền .
- Thay đổi danh mục khu vực sản xuất sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận An Giang
- Giấy chứng nhận bị mờ, hoen ố, rách nát.
- Giấy chứng nhận bị mất, thất lạc.
- Giấy trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang.

Nội dung thay đổi:

- Thay đổi tên và địa chỉ của Tổ chức/cá nhân đã ghi trên giấy trao quyền

Tên cũ	Tên mới	Ghi chú
--------	---------	---------

--	--	--

Địa chỉ cũ	Địa chỉ mới	Ghi chú

- Thay đổi danh mục khu vực sản xuất sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận;

STT	Khu vực sản xuất thay đổi	Ghi chú
1		<input type="checkbox"/> Bổ sung <input type="checkbox"/> Loại bỏ
2		<input type="checkbox"/> Bổ sung <input type="checkbox"/> Loại bỏ
3		<input type="checkbox"/> Bổ sung <input type="checkbox"/> Loại bỏ
4		<input type="checkbox"/> Bổ sung <input type="checkbox"/> Loại bỏ

Tôi/chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là chính xác, nếu sai tôi/chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Danh mục các tài liệu kèm theo , ngày ... tháng ... năm 202....

- Giấy chứng nhận gốc

Chủ tổ chức/cá nhân
(ký tên, đóng dấu nếu có)

Phụ lục VII

(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-SKHCN ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ An Giang)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp tem nhãn hiệu chứng nhận An Giang

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Tôi tên:

Đơn vị, chức vụ:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tôi chức/cá nhân đã được cấp Quyết định trao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận gạo An Giang theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày... của Sở Khoa học và Công nghệ An Giang, hạn sử dụng đến

Kính đề nghị quý Sở cấp tem (logo) nhãn hiệu chứng nhận gạo An Giang để sử dụng, cụ thể như sau:

- Số lượng:
- Kích thước:
- Hình thức:..... (Tem in sẵn/File mềm để in).

Tôi cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu quy định về sử dụng nhãn hiệu chứng nhận An Giang.

Rất mong được sự chấp thuận của quý Sở!

....., ngày....tháng...năm

Người đề nghị

(ký tên, ghi rõ họ tên)

.....